

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày 09/5/2025

“Tranh chấp hợp đồng mua bán gạo”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiên và ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Hải Anh - Thư ký TAND TP. Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Văn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân (viết tắt TAND) thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2025/TLST-DS ngày 14/01/2025 về “tranh chấp hợp đồng mua bán gạo”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXX-ST ngày 08/4/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 32/2025/QĐ-ST ngày 25/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1978 và bà Đồng Thị L, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số C N, khu L, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*đều vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số G phố L, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*đều vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai, nguyên đơn và người đại diện trình bày: Vợ chồng ông Phạm Văn N, bà Đồng Thị L làm nghề buôn bán gạo thành phẩm, vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị M làm nghề sản xuất mỳ gạo tại khu L, phường T, thành phố H. Hai bên có thỏa thuận ông N bà L bán gạo cho ông T bà M.

Từng lần giao nhận gạo, bên mua có ký sổ của bên bán về số lượng gạo, giá tiền. Tính đến ngày 09/7/2024 (tức ngày 04/6/2024 âm lịch), hai bên đã chốt nợ tại giấy “Tổng nợ các chuyển gạo năm 2024”, nội dung cụ thể như sau:

Tính đến ngày 08/6/2024 (tức ngày 03/5/2024 âm lịch) nợ cũ còn 147.000.000đ; Ngày 24/6/2024 (tức ngày 19/5/2024 âm lịch): 10.000kg x 13.800đ/kg= 138.000.000đ; Ngày 01/7/2024 (tức ngày 26/5/2024 âm lịch): 10.000kg x 13.500đ/kg= 135.000.000đ; Ngày 09/7/2024 (tức ngày 04/6/2024 âm lịch): 9.200kg x 13.400đ/kg = 123.280.000đ. Tổng số tiền thanh toán tính đến ngày 09/7/2024 là 543.280.000đ, đã trả được 30.000.000đ cùng ngày nên số nợ còn lại chưa thanh toán là 513.280.000đ.

Vợ chồng ông N bà L đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T không trả và có thái độ thách thức. Nên ông T bà L khởi kiện yêu cầu ông T bà M phải trả số tiền 513.280.000đ và tiền lãi tính từ ngày 09/7/2024 đến ngày 09/12/2024 là 30 triệu đồng, theo lãi suất 13%/năm và còn tiếp tục trả lãi sau ngày 10/12/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ. Không đồng ý với phương án trả nợ dần và miễn lãi của bị đơn.

1.2. Ý kiến của bị đơn ông Phạm Văn T: Các chứng cứ là giấy biên nhận từng lần giao gạo, giá gạo và tổng số nợ mà ông và bà M ký nhận với ông N bà L như nguyên đơn trình bày và cung cấp tài liệu là đúng, không có ý kiến thắc mắc về chất lượng, số lượng gạo mà ông N, bà L đã bán. Đến nay, vợ chồng ông còn nợ ông N bà L tiền mua gạo là 513.280.000đ. Đây là nợ chung của vợ chồng nên cùng có nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, vì kinh tế của gia đình gặp khó khăn nên bị đơn đề nghị được trả nợ dần, cụ thể đến tháng 6 âm lịch năm 2025 trả trước 200.000.000đ nếu bán được nhà gỗ đang ở, nếu không bán được nhà thì cứ 3 tháng trả một lần với số tiền là 15.000.000đ, còn tiền lãi thì đề nghị miễn.

Bị đơn bà Phạm Thị M hiện vẫn chung sống cùng ông T nhưng có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không có quan điểm giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả tiền nợ mua gạo là 513.280.000đ và trả tiền lãi chậm thanh toán, theo mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 09/7/2024 cho đến nay.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) và các đương sự. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số

tiền nợ mua gạo là 513.280.000đ và tiền lãi là 42.749.895đ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả tiền nợ mua gạo. Bị đơn đang cư trú ở thành phố H, tỉnh Hải Dương nên vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán gạo thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS).

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ mua gạo và cung cấp sổ mua bán gạo, giấy “Tổng nợ các chuyến gạo năm 2024” bản gốc có chữ ký của ông T, bà M. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận chứng cứ này và thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua gạo là 513.280.000đ. Đây là tình tiết, sự kiện các đương sự đã thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[2.2]. Xét thấy, giao dịch mua bán gạo giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán đã giao hàng đúng số lượng và chất lượng gạo cho bên mua nhưng bên mua chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho bên bán. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự, nay xin trả nợ dần nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua gạo còn nợ cho nguyên đơn tổng là 513.280.000đ.

[2.3]. Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi quan điểm tính lãi suất của số tiền chậm trả từ 13%/năm xuống còn 10%/năm, tính từ ngày 09/7/2024 cho đến nay.

Căn cứ theo giấy “Tổng nợ các chuyến gạo năm 2024” có chữ ký của ông T, bà M và yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa, có cơ sở xác định bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn kể từ ngày 09/7/2024. Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu tiền lãi từ ngày 09/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/5/2025) trên số tiền mà bị đơn còn nợ, với lãi suất là 10%/năm,

cụ thể: 513.280.000đ x 304 ngày x 10%/năm = 42.749.895đ. Căn cứ khoản 3 Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự, cần buộc bị đơn trả tiền lãi này cho nguyên đơn.

[2.4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ mua gạo là 513.280.000đ, tiền lãi là 42.749.895đ, tổng là 556.029.896đ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự, được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Điều 430, khoản 3 Điều 440, Điều 357 của Bộ luật dân sự Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn N và bà Đồng Thị L.

Buộc ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn N và bà Đồng Thị L số tiền nợ mua gạo là 513.280.000đ, tiền lãi 42.749.895đ, tổng số tiền là 556.029.896đ (*Năm trăm năm mươi sáu triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị M phải chịu 26.241.195đ (*Hai mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn N và bà Đồng Thị L số tiền tạm ứng án phí là 12.865.500đ (*Mười hai triệu, tám trăm sáu mươi năm nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001055 ngày 10/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà

